

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST.

Ngày: 31-5-2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và bà Lê Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị P và ông Trần Văn L – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn S – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Tôi và ông Đặng Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn. Hiện tại chúng tôi sinh sống tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Tôi, ông Đặng Văn S và bà Đỗ Thị P, ông Trần Văn L là người sống cùng thôn.

Năm 2021, sau khi thu vụ mùa cà phê, điều, chúng tôi có dư một số tiền, dự định đem đi gửi ngân hàng. Bà Đỗ Thị P biết, tới nhà chúng tôi hỏi mượn tiền để đáo

hạn ngân hàng. Do nhà ở gần nhau đã mấy chục năm nên chúng tôi cũng nể tình cảm hàng xóm và cho mượn.

Trong ngày 08-8-2021, chúng tôi cho bà Đỗ Thị P và ông Trần Văn L mượn số tiền 180.000.000 đồng, không tính lãi suất. Tiền gồm nhiều loại mệnh giá, đưa tiền mặt, một lần, đưa tiền cho bà P, có bà Hương (chị bà P) chứng kiến. Hai bên có lập giấy mượn tiền, bà Đỗ Thị P ký tên, bà Hương ký làm chứng. Giấy mượn tiền do bà P viết.

Khi mượn, bà P hẹn chỉ 4 ngày, khi ngân hàng giải ngân sẽ trả lại tiền cho chúng tôi. Sau 4 ngày, tôi đến nhà bà P, ông L yêu cầu trả tiền nhưng họ lại khất. Sau này, nhiều lần tới nhà nhưng bà P, ông L không trả tiền nên bà P viết vào giấy mượn tiền ngày 08-8-2021 hẹn tháng 02 năm 2022 sẽ trả tiền cho vợ chồng chúng tôi. Hết tháng 02 năm 2022, bà P vẫn không trả tiền. Tôi đến yêu cầu trả nợ, bà P và chồng chửi bới vợ chồng tôi, muốn không trả nợ.

Có lần, bà P tới nhà tôi, nói tôi đem giấy mượn tiền ra rồi bà P trả cho tôi một ít tiền. Khi tôi đem giấy ra thì bà P giật giấy vo lại, định xé nhưng tôi giành lại được. Vì vậy, giấy mượn tiền mới nhăn nhúm như tôi giao nộp tại Tòa án.

Tại phiên hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, bà P có mặt nhưng không đồng ý trả tiền một lần cho tôi mà muốn trả 02 lần, trong 02 năm nên tôi không đồng ý.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị P và ông Trần Văn L trả 180.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 01-3-2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trước đây tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 08-8-2021 là do không hiểu biết pháp luật. Nay tôi rút một phần yêu cầu về tính lãi suất từ ngày 08-8-2021 đến 28-02-2022.

Bị đơn bà Đỗ Thị P trình bày:

Ông Trần Văn L, sinh năm 1974 là chồng của tôi, chúng tôi đám cưới năm 1992, sau đó một thời gian mới đăng ký kết hôn (không rõ năm). Hiện tại đang chung sống tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tôi và bà Trần Thị L, ông Đặng Văn S ở gần nhà nhau từ nhiều năm nay.

Năm 2014 tôi vay giùm cho chị ruột của tôi là Đỗ Thị H, sinh năm 1968, trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 50.000.000 đồng, vay của bà Trần Thị L. Mục đích vay tiền do chị tôi thiếu tiền và bị đòi nợ. Hai bên chỉ viết giấy tay, tôi không còn giữ giấy tờ gì, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Do chị tôi không có tiền để trả nợ gốc nên đến ngày 08-8-2021 bà L tính lãi và tôi viết lại giấy vay, thể hiện số tiền nợ bà L là 180.000.000 đồng. Đối với số tiền 180.000.000 đồng bà L và tôi thỏa thuận không tính lãi nữa. Số tiền này tôi hẹn tháng 02 năm 2022 trả.

Ngày 08-3-2022, tôi đã đem 50.000.000 đồng đến nhà bà L, ông S trả, nhưng do bà L không ghi vào giấy mượn tiền, thể hiện đã nhận của tôi số tiền 50.000.000 đồng nên tôi mới cầm tờ giấy mượn tiền vo lại. Sau đó bà L giật lại tờ giấy trong tay tôi và đánh tôi. Thời điểm đó chỉ có tôi, bà L, ông S, không còn ai khác làm chứng. Như vậy, tôi đã trả 50.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì thể hiện. Tôi cũng

không nghĩ tới chuyện đi báo công an hay chính quyền địa phương nên không có ai giải quyết và không có tài liệu cung cấp cho Tòa án.

Tiền này tôi vay giùm chị tôi là bà Đỗ Thị H, giấy vay là do tôi viết và ký tên. Chồng tôi Trần Văn L không biết, không được sử dụng tiền nên không có liên quan. Chồng tôi không đồng ý đến Tòa án làm việc.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi trả số tiền 180.000.000 đồng. Quan điểm của tôi là tôi đồng ý trả nợ, yêu cầu Tòa án không buộc chồng tôi trả nợ. Tôi đồng ý trả số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (do tôi đã trả được 50.000.000 đồng vào 08-3-2022) và đồng ý trả lãi suất tính từ ngày 01-3-2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và không có mặt tại Tòa án nên không có trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S trình bày:

Ông Đặng Văn S trình bày như trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị L, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị P trả cho ông bà số tiền đã vay là 180.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01-3-2022 theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và người có nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà Đỗ Thị P trả cho bà và ông Đặng Văn S 180.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất tính trên nợ gốc từ ngày 01-3-2022 cho đến khi trả xong với mức lãi suất là 10%/năm. Không có yêu cầu gì đối với ông Trần Văn L do ông L không vay, mượn tiền và không ký vào giấy mượn tiền.

Về nguồn gốc tiền cho vay: Bà Trần Thị L và ông Đặng Văn S trình bày đây là tiền dành dụm nhiều năm của ông bà để lo khi về già.

Bà Lãnh, ông Sáu trình bày không có sự việc bà P trả 50.000.000 đồng vào ngày 08-3-2022 hay số tiền bà P vay ban đầu là 50.000.000 đồng mà chỉ vay một lần số tiền 180.000.000 đồng. Ông bà cũng không hề đánh bà P.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc bà Đỗ Thị P trả cho bà Lãnh, ông Sáu 180.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01-3-2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của bà Trần Thị L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị P và ông Trần Văn L trả nợ gốc và lãi suất theo Giấy mượn tiền đề ngày 08-8-2021, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn bà Đỗ Thị P và ông Trần Văn L cư trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L:

Về nợ gốc: Ngày 08-8-2021 bà Đỗ Thị P viết và ký giấy mượn tiền với nội dung: “*Tôi tên Đỗ Thị P, chồng tôi tên Trần Văn L: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.*

Vợ chồng tôi có mượn tiền của anh chị Trần Thị L và Đặng Văn S ở Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Vợ chồng tôi có mượn số tiền là 180.000.000 (một trăm tám chục triệu đồng chẵn), với số tiền này anh chị không tính tiền lãi và lời.”

Giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả. Sau đó có viết thêm “*em hẹn chị tháng 2 năm 2022 em trả tiền cho chị*”.

Việc viết, ký kết hợp đồng là do bà Đỗ Thị P tự nguyện và Giấy mượn tiền ngày 08-8-2021 là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, đã phát sinh hiệu lực thực hiện giữa các bên.

Giấy mượn tiền chỉ có bà Đỗ Thị P viết, ký tên, bà Đỗ Thị Hương làm chứng. Ông Trần Văn L, bà Trần Thị L, ông Đặng Văn S không ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị P thừa nhận bà là người viết giấy mượn tiền, thể hiện số tiền bà nợ bà L, ông S là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) (BL 29). Bà trình bày ngày 08-3-2022, bà đã trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà P còn cho rằng bà bị bà L, ông S đánh ngay sau khi trả tiền nhưng không trình báo Công an hay chính quyền địa phương nên không có cơ sở để Tòa án yêu cầu các cơ quan cung cấp tài liệu, chứng cứ. Bà L, ông S không thừa nhận có sự việc bà P trả số tiền 50.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Tòa án đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P, ông L không có mặt nên không có cơ sở cho các bên làm rõ số tiền đã trả theo trình bày của bà P. Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của bà Đỗ Thị P về việc đã trả được 50.000.000 đồng nợ gốc và xác định nợ gốc phải trả là 180.000.000 đồng.

Giấy mượn tiền ghi hạn trả nợ tháng 2 năm 2022, nên hết ngày 28-02-2022 bà P, ông L không trả đầy đủ nợ gốc là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự,

làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L, ông S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc trả tiền nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Giấy mượn tiền ghi “*mượn số tiền là 180.000.000 (một trăm tám chục triệu đồng chẵn), với số tiền này anh chị không tính tiền lãi và lời.*”. Như vậy, đây là hợp đồng vay không có lãi. Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, khi đến hạn, bà P không trả nợ gốc nên bà Lành có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, bà P có nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 01-3-2022, với mức lãi suất là 10%/năm/180.000.000 đồng, cụ thể số lãi phải trả:

$180.000.000 \times 10\%/12 \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 22.450.000 \text{ đồng.}$

Về nghĩa vụ trả nợ: Giấy mượn tiền ông Trần Văn L không ký, nguyên đơn bà Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S thừa nhận tiền cho vay bà P nhận, ông L không có mặt. Bà P trình bày tiền bà vay giùm, ông L không biết và không được sử dụng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ đối với ông Trần Văn L. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của bà Trần Thị L về việc buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đỗ Thị P trả nợ. Bà Đỗ Thị P là người viết, ký giấy vay và thừa nhận vay tiền của bà L, ông S nên bà Đỗ Thị P là người có nghĩa vụ trả nợ.

Đối với nội dung bà Đỗ Thị P trình bày bà vay giùm cho bà Đỗ Thị Hương: xét thấy giấy mượn tiền là bà P tự viết và ký, bà Đỗ Thị Hương chỉ ký làm chứng nên không có căn cứ buộc bà Đỗ Thị Hương phải trả tiền cho bà Trần Thị L và ông Đặng Văn S. Trường hợp bà P có tài liệu, chứng cứ bà đưa tiền cho bà Hương thì bà P có quyền yêu cầu bà Hương trả tiền cho bà trong vụ án khác.

Theo đơn khởi kiện, bà Lành yêu cầu Tòa án giải quyết buộc trả lãi tính từ tháng 8 năm 2021. Tại phiên tòa bà L rút một phần đơn khởi kiện đối với tiền lãi tính từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 2 năm 2022. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết nội dung này.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L được chấp nhận nên bà Đỗ Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Đỗ Thị P.

Buộc bà Đỗ Thị P trả cho bà Trần Thị L và ông Đặng Văn S số tiền 202.450.000đ (*Hai trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), gồm 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) nợ gốc và 22.450.000đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc buộc ông Trần Văn L trả nợ.

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc buộc bà Đỗ Thị P trả lãi từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 2 năm 2022.

3. Về án phí:

Bà Đỗ Thị P phải nộp 10.012.500đ (*Mười triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị L được nhận lại 4.950.000đ (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004933 ngày 20-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà